CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành (HSX: GDT)

Ngày 30/09/2024	28,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	-2.1%	3.7%

ROE — Q3/24: 17.7% | +/- YoY: ▲ 4.4%

	Q3/24	QoQ	YoY
DT thuần	91.7 tỷ VNĐ	▲ 3.10 ▲ 3.5%	▲ 21.9 ▲ 31.4%
LN gộp	39.0 tỷ VNĐ	▲ 7.30 ▲ 22.9%	▲ 17.6 ▲ 82.0%
LN thuần	19.3 tỷ VNĐ	▲ 1.20 ▲ 6.9%	▲ 8.80 ▲ 84.2%
LN sau thuế	15.8 tỷ VNĐ	▲ 2.50 ▲ 18.9%	▲ 7.60 ▲ 92.8%

	9T 2024	YoY
DT thuần	249 tỷ VNĐ	▲ 27.0 ▲ 12.1%
LN gộp	93.1 tỷ VNĐ	▲ 28.6 ▲ 44.3%
LN thuần	49.2 tỷ VNĐ	▲ 19.3 ▲ 64.6%
LN sau thuế	38.6 tỷ VNĐ	▲ 14.8 ▲ 62.1%

Kết quả kinh doanh

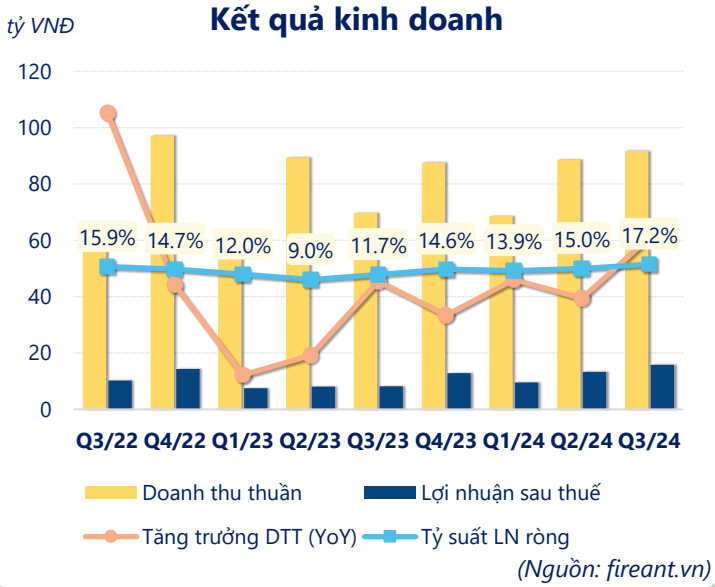

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

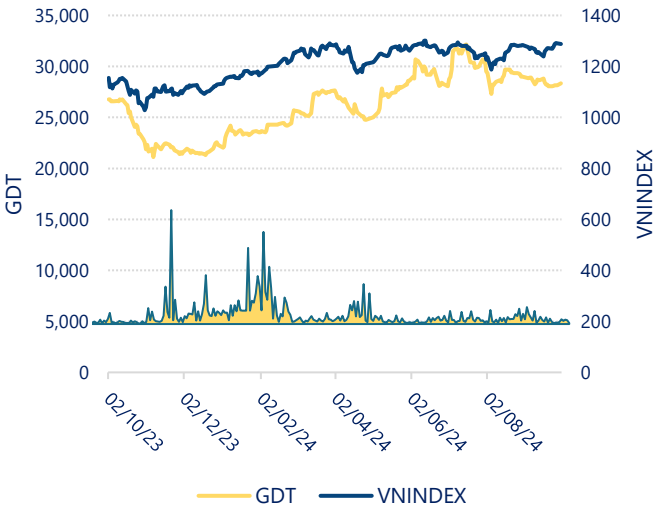

Tăng trưởng lợi nhuận

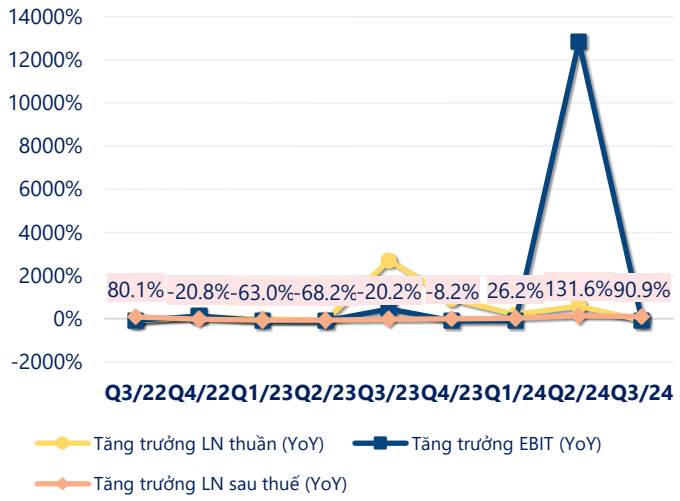

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

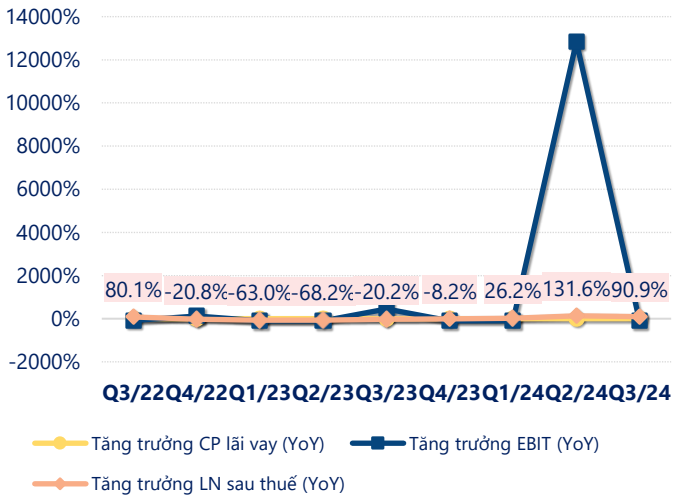

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

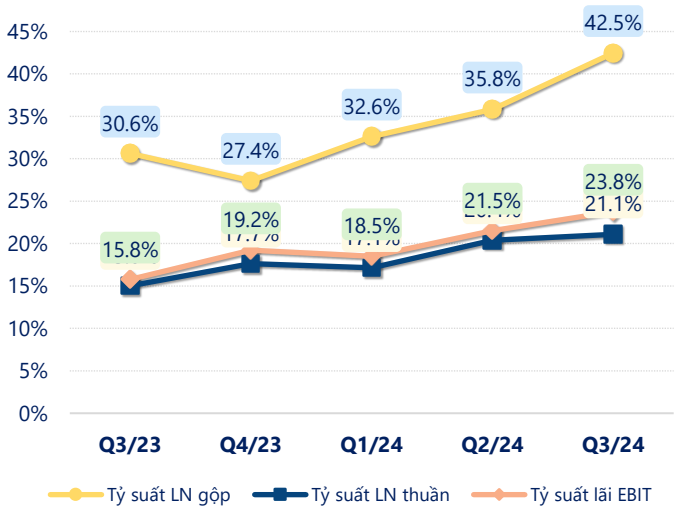

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

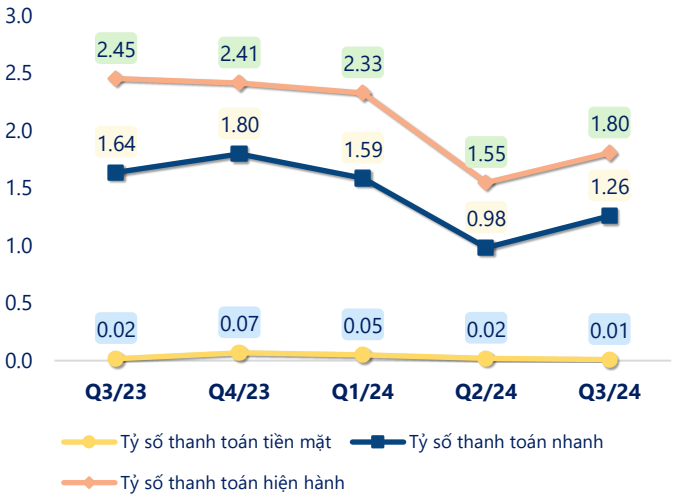

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

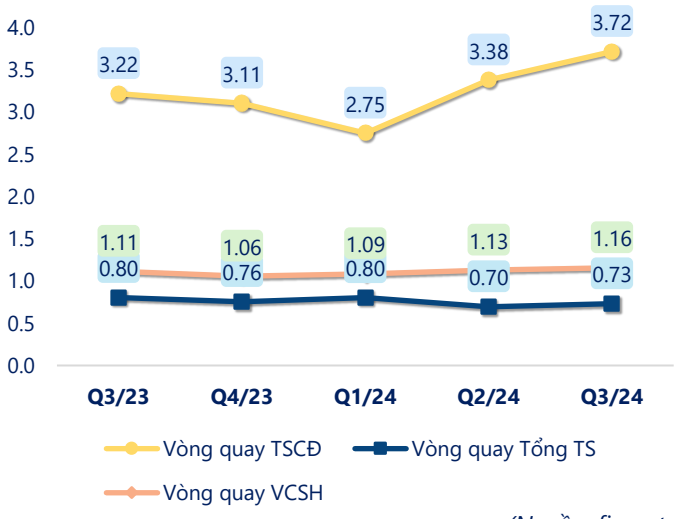

(Nguồn: fireant.vn)

EPS

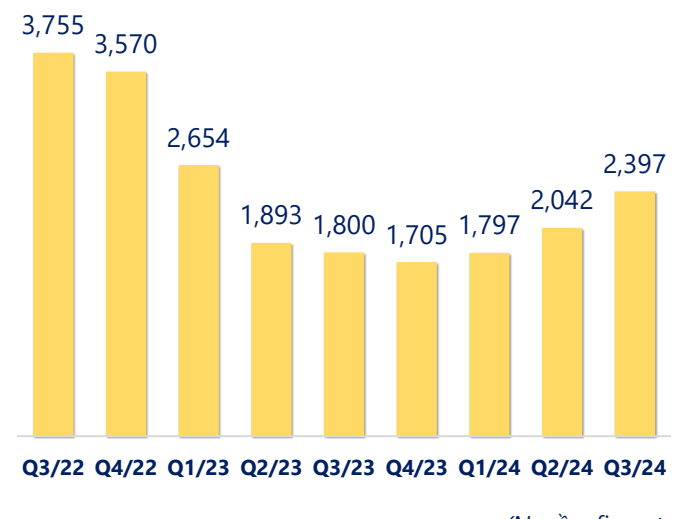

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**91.7**	**69.8**	**31.4%**	**249**	**222**	**12.1%**
Giá vốn hàng bán	52.8	48.4	9.0%	156	158	-1.1%
Lợi nhuận gộp	39.0	21.4	82.0%	93.1	64.5	44.3%
Doanh thu HĐTC	1.88	2.82	-33.3%	6.46	7.88	-18.0%
Chi phí TC	3.56	1.75	103%	7.27	8.93	-18.5%
Chi phí lãi vay	2.08	0.76	173%	4.10	2.45	66.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.77	4.18	-9.8%	12.8	12.5	2.5%
Chi phí QLDN	**14.2**	**7.77**	**82.2%**	**30.3**	**21.1**	**43.7%**
LN thuần từ HĐKD	19.3	10.5	84.2%	49.2	29.9	64.6%
Lợi nhuận khác	**0.38**	**-0.24**	**257%**	**0.31**	**-0.15**	**313%**
LN trước thuế	19.7	10.2	93.3%	49.5	29.7	66.4%
Lợi nhuận sau thuế	**15.8**	**8.20**	**92.8%**	**38.6**	**23.8**	**62.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.8**	**8.20**	**92.8%**	**38.6**	**23.8**	**62.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

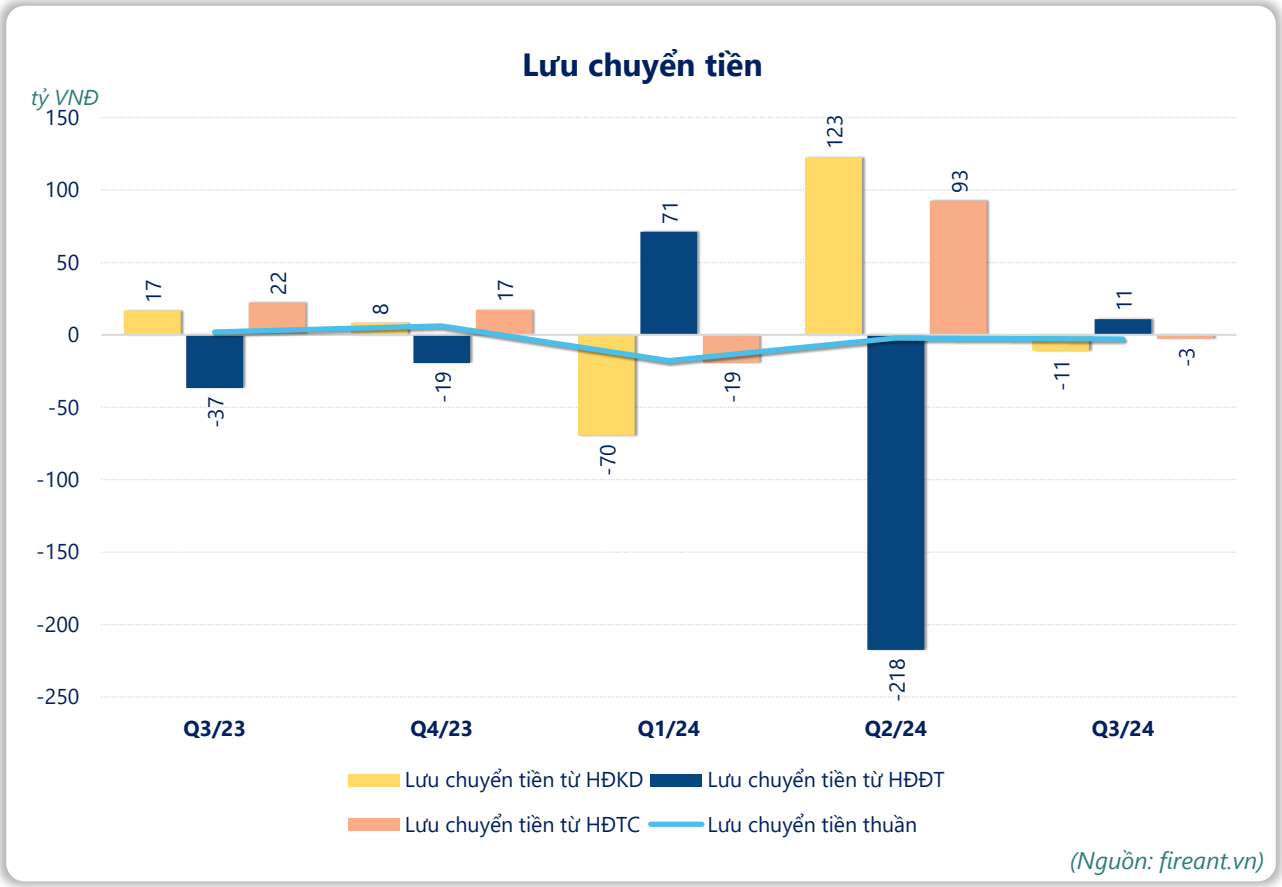

(Nguồn: fireant.vn)